

KẾ HOẠCH
Tổ chức lựa chọn môn học và chuyên đề học tập
cho học sinh lớp 10 trường THPT Nguyễn Trãi
Năm học 2022–2023

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và nhà trường; trường THPT Nguyễn Trãi xây dựng kế hoạch tổ chức lựa chọn môn học và chuyên đề học tập cho học sinh lớp 10 năm học 2022 – 2023 cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Tổ chức tư vấn, định hướng cho phụ huynh và học sinh lớp 10 năm học 2022 – 2023 thực hiện lựa chọn tổ hợp các môn học theo đúng qui định của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 được ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018.

Việc xây dựng các nhóm tổ hợp môn lựa chọn và các cụm chuyên đề học tập giúp định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thuận lợi khi tham gia thi, xét tuyển hoặc đáp ứng yêu cầu sử dụng kết quả học bạ học cấp THPT để xét tuyển vào các trường đại học.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với phẩm chất, năng lực, nguyện vọng của học sinh khi học tập.
- Phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường.
- Đảm bảo tính chủ động, hiệu quả trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022 – 2023.

II. Tình hình nhà trường

1. Chỉ tiêu tuyển sinh – số lượng lớp 10 nhập học:

Năm học 2022 – 2023 trường đăng kí chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 gồm 13 lớp, tổng số học sinh là: 585.

2. Tổ chức nhóm tổ hợp môn lựa chọn:

Căn cứ theo nội dung hướng dẫn chọn lựa môn học được ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 về quy định số môn học bắt buộc và môn học lựa chọn theo định hướng năng lực phát triển của cá nhân người học;

Căn cứ trên thực tế về đội ngũ giáo viên giảng dạy hiện nay của nhà trường. Căn cứ vào tình hình chọn tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT, tổ hợp môn xét tuyển đại học của học sinh khối lớp 12 các năm học vừa qua:

Năm học 2022 – 2023, trường tổ chức các nhóm tổ hợp môn lựa chọn và các cụm chuyên đề học tập lựa chọn như sau:

• Về các môn học bắt buộc và tự chọn:

- ✓ **07 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc** bao gồm: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp, Nội dung giáo dục của địa phương, Giáo dục thể chất.

Riêng môn Giáo dục thể chất học sinh được tự chọn 1 trong 3 môn học sau: cầu lông; bóng rổ; bóng chuyền.

- ✓ **02 môn học tự chọn:** Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2. (*Lưu ý: học sinh sẽ được chọn 1 trong 2 môn và cũng tùy theo điều kiện của nhà trường để tổ chức lớp học*).

• Về tổ hợp môn lựa chọn (mỗi tổ hợp có 5 môn học) và cụm chuyên đề học tập:

học sinh sẽ lựa chọn 01 trong 06 tổ hợp môn + cụm chuyên đề học tập sau:

Số thứ tự	Tổ hợp môn	Cụm chuyên đề học tập
1	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Tin học	Toán, Lý, Hóa.
2	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Tin học	Toán, Lý, Hóa.
3	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	Toán, Lý, Hóa.
4	Vật lý, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tin học	Toán, Lý, Văn
5	Địa lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	Toán, Hóa, Sinh
6	Vật lý, Hóa học, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ	Toán, Lý, Anh.

- Trong quá trình thực hiện việc đăng kí tổ hợp môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập nếu phụ huynh và học sinh có những vấn đề chưa rõ cần tìm hiểu thêm thông tin thì liên hệ với lãnh đạo nhà trường để được tư vấn

Ông Lê Công Triệu – Hiệu trưởng - ĐT: 0917674676.

Ông Nguyễn Thanh Tùng – Phó hiệu trưởng – 0909993020.

Ông Nguyễn Hoàng Anh Tuấn – Phó hiệu trưởng – 0902991330.

Trên đây là kế hoạch tổ chức học tập cho học sinh lớp 10 năm học 2022-2023 của Trường THPT Nguyễn Trãi theo Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Công Triệu

* Tham khảo các tổ hợp môn lựa chọn tương ứng có các tổ hợp môn xét tuyển đại học

Số thứ tự	Tổ hợp môn	Các tổ hợp xét tuyển đại học
1	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Tin học	A01: toán, anh, lý A02: toán, lý, sinh A03: toán, lý sử A05: toán, hóa, sử A14: toán, KHTN, văn B01: toán, sinh, sử B03: toán, sinh, văn B08: toán, sinh, anh C01: văn, toán lý C02: văn, toán, hóa C03: văn, toán sử C05: văn, lý, hóa C06: văn, lý, sinh C07: văn lý sử C08: văn, hóa, sinh C10: văn, hóa, sử C12: văn, sinh, sử D07: toán, hóa, anh D08: toán, sinh, anh D09 : toán, sử, anh D11 : văn, lý, anh D12 : văn, hóa, anh D13 : văn, sinh, anh D14 : văn, sử, anh
2	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Tin học	A04 : toán, lý, địa A06 : toán, hóa, địa A14 : toán, KHTN, địa A16: toán, KHTN, văn B02 : toán, sinh, địa B03: toán, sinh, văn B08: toán, sinh, anh C04 : văn, toán, địa C09 : văn, lý, địa C13 : văn, sinh, địa D10 : toán, địa, anh D15 : văn, địa, anh
3	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	A10 : toán, lý, kinh tế-PL A11: toán, hóa, kinh tế-PL A15: toán, KHTN, kinh tế-PL B04: toán, sinh, kinh tế-PL C14: văn, toán, kinh tế-PL C16: văn, lý, kinh tế-PL

		C17: văn, hóa, kinh tế-PL
4	Vật lý, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tin học	A07: toán, sử, địa A08: toán, sử, Kinh tế-PL A09: toán, địa, Kinh tế-PL A10: toán, lý, Kinh tế-PL A17: toán, lý, KHXH C01: văn, toán, lý C03: văn, toán, sử C04: văn, toán, địa C07: văn, lý, sử C09: văn, lý, địa C14: văn, toán, Kinh tế-PL C15: toán, văn, KHXH C16: văn, lý, Kinh tế-PL C19: văn, sử, Kinh tế-PL C20: văn, địa, Kinh tế-PL D09: toán, sử, anh D10: toán, địa, anh D11: văn, lý, anh D14: văn, sử, anh D15: văn, địa, anh
5	Địa lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	A06: toán, hóa, địa A09: toán, địa, Kinh tế-PL A11: toán, hóa, Kinh tế-PL B02: toán, sinh, địa B03: toán, sinh, văn B04: toán, sinh, Kinh tế-PL B08: toán, sinh, anh C04: văn, toán, địa C08: văn, hóa, sinh C13: văn, sinh, địa C14: văn, toán, Kinh tế-PL C20: văn, địa, Kinh tế-PL
6	Vật lý, Hóa học, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ	A01: toán, lý, anh A03: toán, lý, sử A04: toán, lý, địa A05: toán, hóa, sử A06: toán, hóa, địa A07: toán, sử, địa C01: văn, toán, lý C02: văn, toán, hóa C03: văn, toán, sử C04: văn, toán, địa C05: văn, lý, hóa D01: văn, toán, anh

		D07: toán, hóa, anh D09: toán, sử, anh D10: toán, địa, anh D11: văn, lý, anh D12: văn, hóa, anh
--	--	---